

Số: 18/BC-TH&THCSĐC

Đại Chánh, ngày 03 tháng 9 năm 2024

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm học 2024-2025

### I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường TH&THCS Đại Chánh

2. Công thông tin điện tử:

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Thạnh Trung, xã Đại Chánh, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam

- Điện thoại:

- Địa chỉ trang tin điện tử: <https://thcsleloi.pgddailoc.edu.vn>

3. Loại hình của nhà trường: Công lập

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường

- Sứ mệnh: Kiến tạo một ngôi trường điển hình của sự năng động, hạnh phúc.

- Tầm nhìn: Trường TH&THCS Đại Chánh cam kết chung tay cùng gia đình và xã hội xây dựng một môi trường giáo dục hạnh phúc, giúp học sinh sống đoàn kết, trách nhiệm, yêu thương; phát triển tư duy sáng tạo; có khả năng thích ứng cao để trở thành những công dân toàn cầu

- Mục tiêu của nhà trường

+ Mục tiêu chung:

Duy trì, phát triển các tiêu chuẩn nhà trường đạt chuẩn quốc gia, trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là cơ sở giáo dục hiện đại phù hợp với xu thế phát triển của huyện nhà.

+ Mục tiêu cụ thể:

**Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên:**

- Năng lực chuyên môn của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên luôn được chú trọng bồi dưỡng và phát triển.

- Phổ cập ứng dụng CNTT trong quản lý, giảng dạy

- Cán bộ quản lý có trình độ Đại học

- 100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn.

### **Học sinh:**

- Quy mô: Số lớp học: 25 lớp, Số học sinh: 763 em
- Chất lượng học tập:
  - + 67,5 % HS trở lên có học tập giỏi, xuất sắc
  - + Thi đỗ lớp 10 công lập: 86,51 % năm học 2024-2025
  - + HS đạt giải trong các kì thi HS giỏi của tỉnh: 01
- Chất lượng đạo đức, kỹ năng sống:
  - + 100% rèn luyện khá – trong đó 92% tốt.
  - + Học sinh được trang bị các kỹ năng sống cơ bản, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện, tình nguyện.

### **Cơ sở vật chất:**

Phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng được xây dựng và trang bị các trang thiết bị hiện đại phục vụ dạy học đạt chuẩn.

Môi trường sư phạm đảm bảo Xanh - Sạch - Đẹp-an toàn

### **5. Quá trình thành lập và phát triển:**

- + Trường được sáp nhập năm 2022 từ trường TH Lê Dật và trường THCS Lê Lợi.
- + Năm 2022-2023 tập thể LĐXS
- + Năm 2023-2024 Tập thể LĐTT
- + Năm 2024: nhà trường được công nhận Chuẩn quốc gia mức độ 2, công nhận Kiểm định chất lượng cấp độ 3.

### **6. Thông tin người đại diện pháp luật**

Họ và tên: Nguyễn Văn Năm

Chức vụ: Hiệu trưởng

- Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Thạnh Trung, xã Đại Chánh, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam

- Điện thoại: 0977504762

- Địa chỉ thư điện tử: [daihongnam@gmail.com](mailto:daihongnam@gmail.com)

### **7. Tổ chức bộ máy**

a. *Quyết định thành lập trường:*

+ Quyết định số 253/QĐ-UB ngày 01/6/2022 của UBND huyện Đại Lộc về việc sáp nhập trường TH Lê Dật và trường THCS Lê Lợi.b thành trường TH&THCS Đại Chánh.

b. *Quyết định công nhận hội đồng trường:*

Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND huyện Đại Lộc về việc thành lập Hội đồng trường TH&THCS Đại Chánh.

c. *Quyết định điều động bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng.*

Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 của UBND huyện Đại Lộc về việc điều động, bổ nhiệm Hiệu trưởng trường TH&THCS Đại Chánh

Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 của UBND huyện Đại Lộc về việc điều động bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng trường TH&THCS Đại Chánh.

Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 10/7/2023 của UBND huyện Đại Lộc về việc điều động bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng trường TH&THCS Đại Chánh  
d. *Quy chế tổ chức hoạt động của cơ sở giáo dục, chức năng nhiệm vụ quyền hạn.*  
Sơ đồ tổ chức bộ máy

\* Chức năng: Trường TH&THCS Đại Chánh là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân. Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

Trường TH&THCS Đại Chánh chịu sự chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của UBND huyện Đại Lộc. Đồng thời trường chịu sự quản lý của phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đại Lộc về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của Luật Giáo dục năm 2019 và Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường Trung học cơ sở, trường Trung học phổ thông và trường Trung học phổ thông nhiều cấp học.

\* Nhiệm vụ: Trường TH&THCS Đại Chánh thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ trường THCS được ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT- BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo:

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.





TT	Đội ngũ giáo viên	Số lượng	Trình độ				Chuẩn nghề nghiệp				Hoàn thành Bồi dưỡng hàng năm	
			TC	CD	Đại học	Thạc sĩ	SL Khá	Tỉ lệ %	SL Tốt	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
	Giáo viên THCS hạng II	29			29					100%	29	100%
	Giáo viên THCS hạng III	6		2	4					100 %	6	100%
	Giáo viên HĐ	7			7					100 %	7	100%
<b>3</b>	<b>Nhân viên</b>											
	Thiết bị thí nghiệm	1			1						1	100%
	Thư viện	1	1								1	100%
	Kế toán	1			1						1	100%
	Văn thư	1	1								1	100%
	Y tế học đường	1		1							1	100%
	Bảo vệ	3									3	100%
	<b>Tổng</b>	<b>53</b>		79	43				116	100%	129	100%

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TÀI LIỆU HỌC TẬP SỬ DỤNG CHUNG

a	Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định	Số lượng	Bình quân
a.1	Điểm trường	3	
a.2	Diện tích khu đất xây dựng trường	19.925,6 m <sup>2</sup>	
a.3	Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh		26,1m <sup>2</sup> /HS
b	Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định	Số lượng	Yêu cầu tối thiểu theo quy định
b.1	Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính	10	

	quản trị		
b.2	Khối phòng học tập	25	1,4m <sup>2</sup> /hs
b.3	Khối phòng hỗ trợ học tập	14	1m <sup>2</sup> /hs
b.4	Khối phụ trợ		
b.5	Khu sân chơi, thể dục thể thao	10000 m <sup>2</sup>	13,1m <sup>2</sup> /HS
b.6	Khối phục vụ sinh hoạt		
b.7	Hạ tầng kỹ thuật		

c. Thiết bị phục vụ dạy học tương đối đảm bảo, riêng thiết bị dạy và học lớp 5 và lớp 9 xuống cấp đang chờ cấp trên bổ sung

d. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+Danh mục sách giáo khoa cấp tiểu học các lớp 1, 2, 3, 4 học áp dụng như năm học 2023-2024

+Danh mục sách giáo khoa cấp tiểu học các lớp 6,7, 8 áp dụng như năm học 2023-2024.

Riêng danh mục sách giáo khoa lớp 5 và lớp 9 áp dụng cho năm học 2024-2025 cụ thể như sau

### SÁCH GIÁO KHOA LỚP 5

Stt	Tên danh mục sách giáo khoa	Các Tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 5	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ Biên) Trần Thị Hiền Lương (Chủ Biên) ĐỒ HỒNG DƯƠNG - Nguyễn Lê Hàng Trịnh Cẩm Lan - Vũ Thị Lan - Trần Kim Phương  Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ Biên) Trần Thị Hiền Lương (Chủ Biên) Lê Thị Lan Anh - ĐỒ HỒNG DƯƠNG - Vũ Thị Thanh Hương Nguyễn Thị Kim Oanh – Đặng Thị Hào Tâm	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 5	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ Biên) Lê Anh Vinh (Chủ Biên) Nguyễn Áng - Vũ Văn Dương - Nguyễn Minh Hải Hoàng Quê Hương - Bùi Bá Mạnh	Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 5	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung	Giáo dục Việt Nam
4	Lịch sử và Địa lý 5	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu	Giáo dục Việt Nam

		Hương; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh	
5	Khoa học 5	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Hà Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Ngô Diệu Nga, Nguyễn Thị Thanh Phúc, Đào Thị Sen,	Giáo dục Việt Nam
6	Hoạt động trải nghiệm 5	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Lan, Trần Thị Tố Oanh	Giáo dục Việt Nam
7	Công nghệ 5	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Tịnh	Giáo dục Việt Nam
8	Tin học 5	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hà Đặng Cao Tùng	Giáo dục Việt Nam
9	Tiếng Anh 5 - Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên) - Trần Hương Quỳnh (Chủ biên) - Phan Hà - Đỗ Thị Ngọc Hiền - Đào Ngọc Lộc - Nguyễn Quốc Tuấn - Nguyễn Minh Tuấn	Giáo dục Việt Nam
10	Âm nhạc 5	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên) - Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên) - Mai Linh Chi - Nguyễn Thị Phương Mai - Nguyễn Thị Nga	Giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục thể chất 5	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng (Chủ biên), Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương	Giáo dục Việt Nam
12	Mĩ thuật 5	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang	Giáo dục Việt Nam

VÀ  
CƠ SỞ  
NH  
MAY

## SÁCH GIÁO KHOA LỚP 9

TT	Tên sách	Bộ sách - Tổng/Chủ biên	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 9 (tập 1,2)	<b>Kết nối tri thức với cuộc sống –Tập 1 &amp; 2;</b> Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên).	NXB GD Việt Nam
2	Toán 9 (tập 1,2)	<b>Kết nối tri thức với cuộc sống (Tập1,2)</b> /Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên)/ Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên),	NXB GD Việt Nam
3	Tiếng Anh 9	<b>Global Success</b> - Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên).	NXB GD Việt Nam
4	Lịch sử và Địa lí 9	<b>Kết nối tri thức với cuộc sống</b> - Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Trịnh Đình Tùng (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Hoàng Hải Hà, Nguyễn Thị Huyền Sâm, Hoàng Thanh Tú; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Trọng Đức, Lê Văn Hà, Nguyễn Tú Linh, Phạm Thị Trâm.	NXB GD Việt Nam
5	Khoa học tự nhiên 9	<b>Kết nối tri thức với cuộc sống</b> /Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên)/ Nguyễn Văn Biên, Lê Trọng Huyền, Đinh Đoàn Long (đồng Chủ biên)	NXB GD Việt Nam
6	Giáo dục công dân 9	<b>Kết nối tri thức với cuộc sống</b> - Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên).	NXB GD Việt Nam
7	Tin học 9	<b>Kết nối tri thức với cuộc sống</b> / Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên) /Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên)	NXB GD Việt Nam
8	Âm nhạc 9	<b>Kết nối tri thức với cuộc sống</b> - Hoàng Long (Tổng chủ biên); Bùi Minh Hoa, Vũ Mai Lan (Chủ biên)	NXB GD Việt Nam
9	Mỹ thuật 9	<b>Chân trời sáng tạo_(bản 2)</b> - Nguyễn Thị May (Tổng Chủ biên), Hoàng Minh Phúc (Chủ biên).	NXB GD Việt Nam
10	Giáo dục thể chất 9	<b>Kết nối tri thức với cuộc sống</b> / Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên) /Hò Đắc Sơn (Chủ biên)	NXB GD Việt Nam
11	HĐTN&HN 9	<b>Kết nối tri thức với cuộc sống</b> - Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên)/Trần Thị Thu (Chủ biên)	NXB GD Việt Nam
12	Công nghệ 9	<b>Kết nối tri thức với cuộc sống (4 modul)</b> / Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên) /Phạm Mạnh Hà (Chủ biên)	NXB GD Việt Nam



#### IV. THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Nam.

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng:

- Mức độ đạt kiểm định: Cấp độ 3 (theo Quyết định số 131/QĐ-SGDĐT, ngày 31/01/2024 của sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Nam).

- Đạt trường chuẩn Quốc gia: Mức độ 2 (theo Quyết định số 249/QĐ-UBND, ngày 01/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam).

- Thời gian hiệu lực: 5 năm, từ ngày 31 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 01 năm 2029.

#### V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2023-2024

1. Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường;

- Kết quả tuyển sinh năm học 2023-2024.

STT	Nội dung	Kế hoạch	Thực tế	Ghi chú
1	Khối lớp 1	82	82	
2	Khối lớp 6	102	103	

- Tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối năm học 2023-2024

Cấp Tiểu học:

STT	Nội dung	Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5
1	Số lớp	3	3	3	2	2
2	Số học sinh	82	86	92	75	79
3	Số HS bình quân/lớp	27,3	28,7	30,7	25	26,3
4	Số HS học 02 buổi/ngày	82	86	92	75	79
5	Số HS nam/HS nữ	42/40	45/41	45/47	42/33	42/37

6	HS người dân tộc	0	0	0	0	0
7	HS khuyết tật, hoà nhập	1	0	2	0	1

### Cấp THCS

STT	Nội dung	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
1	Số lớp	3	3	2	2
2	Số học sinh	103	89	77	82
3	Số HS bình quân/lớp	34,3	29,7	38,5	41
4	Số HS học 02 buổi/ngày	103	89	77	82
5	Số HS nam/HS nữ	46/57	40/49	37/40	41/41
6	HS người dân tộc	0	0	0	0
7	HS khuyết tật, hoà nhập	0	01	0	02

*-Kết quả học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp, HS tốt nghiệp THCS, HS trúng tuyển vào các trường THPT công lập.*

STT	Nội dung	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
1	Số lớp	3	3	2	2
2	Số học sinh	103	89	77	83
3	Số HS được lên lớp	103	89	77	83
4	Số HS TN THCS				83
5	Số HS trúng tuyển THPT				72

## IV. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

Tài chính giao năm 2024: 7.024.948.000đ

Chi đến tháng 9/2024: 5.806.815.837đ

Trong đó chi cho con người: 5.160.390.037đ

Chi cho hoạt động giáo dục: 532.150.800đ

Còn lại: 1.218.132.163đ

-Học phí thực hiện thu và mức thu theo Nghị Quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 (mức thu 30.000 đồng/hs/tháng)

-Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học. Nhà trường thực hiện chính sách miễn, giảm học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021.

## V. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- + Tập thể nhà trường nhận:
  - Giấy chứng nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2
  - Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3
- + Giấy khen của Hội đồng đội huyện Đại Lộc vì có thành tích xuất sắc trong công tác đội và phong trào thiếu nhi năm học 2023-2024.
- + Thư viện đạt mức độ 1.
- + Nhà trường đạt giải Khuyến khích cuộc thi “ Học văn-Văn học” cấp huyện
- + Nhà trường đạt giải Khuyến khích cuộc thi văn nghệ cấp huyện
- + Nhà trường đạt giải Khuyến khích cuộc thi “ Chỉ huy Sao giỏi” cấp huyện
- + Nhà trường đạt giải Ba cuộc thi cờ vua cấp huyện
- + Nhà trường đạt giải Khuyến khích cuộc thi “ Trưng bày sản phẩm Stem” cấp huyện
- + Đạt 18 giải HSG cấp huyện, 01 HSG cấp tỉnh
- + Đạt 6 CSTĐCS, 39 LĐTT
- + Đạt 02 GVdạy giỏi cấp huyện, 02 GVCN giỏi cấp huyện
- + Công đoàn đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ
  - + Chi bộ đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” năm 2023.
  - + Chi bộ được tặng giấy khen có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục.
- + Chi đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2023-2024.
- + Liên đội hoàn thành xuất sắc tiêu biểu năm học 2023-2024
- + Công tác y tế: Xếp loại Tốt.
- +Trường học được công nhận: An toàn, phòng chống tai nạn thương tích.

